TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ SƠN TÂY – TP HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23 /2023/HNGĐ-ST
Ngày 17 tháng 5 năm 2023
"*V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SƠN TÂY – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Văn Hợi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông P Văn Quang.

Bà Đào Thị Minh Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sơn Tây tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hiếu, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử công khai, sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 228/2022/TLST – HNGĐ, ngày 18 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST – HNGĐ, ngày 28 tháng 3 năm 2023; và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2023/QĐHPT- LHST, ngày 14/4/2023 giữa:

1. *Nguyên đơn*: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1989, có đơn xin vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990, vắng mặt.

Đều ĐKHKTT: Thôn B, xã Đ, thị xã Sơn Tây, TP Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Bùi Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn có đăng ký ngày 23/12/2010 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại xã Đ, thị xã Sơn Tây, TP Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến ngày 04/8/2022 thì phát sinh mâu

thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng, dẫn đến mâu thuẫn, cãi vã thường xuyên. Từ 04/8/2022 đến nay anh chị sống ly thân, vợ chồng không quan tâm đến đến nhau khiến tình cảm không còn . Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Có 02 con là cháu Bùi Thị Thu N, sinh ngày 25/10/2011 và cháu Bùi Khánh P, sinh ngày 08/5/2017. Nguyện vọng của anh T là được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Thu N và cháu Bùi Khánh P. Anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công sức chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Anh xác định không có.

- Về án phí: Anh T tự nguyện chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt, niêm yết thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Thị H theo địa chỉ tại thôn B, xã Đ, thị xã Sơn Tây, TP Hà Nội. Tuy nhiên chị H không có văn bản trình bày quan điểm, không đến Tòa án làm việc. Tòa án cũng tiến hành lấy lời khai của cháu Bùi Thị Thu N, tại Bản tự khai ngày 18/10/2022, cháu N trình bày nguyện vọng được ở với bố.

Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú của chị H tại thôn B, xã Đ, thị xã Sơn Tây, TP Hà Nội. Tại Biên bản xác minh ngày 15/3/2023 đại diện chính quyền địa P cho biết: Anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thị H có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, sau khi kết hôn anh chị về chung sống tại thôn B, xã Đ, thị xã Sơn Tây, TP Hà Nội. Quá trình chung sống giữa anh T và chị H có xảy ra mâu thuẫn gia đình, chính quyền địa P, cụ thể là Tổ Hòa giải thôn B đã can thiệp, hòa giải nhưng không thành. Hiện chị H không còn chung sống với anh Bắc tại địa P. Về con chung, anh chị có 02 con chung là cháu Bùi Thị Thu N, sinh ngày 25/10/2011 và cháu Bùi Khánh P, sinh ngày 08/5/2017. Hiện hai cháu đang ở cùng với anh T tại địa P. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức chung gia đình và chính quyền địa P không được biết. Về việc anh chị ly hôn, gia đình và chính quyền địa P đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do chị H không có mặt tại địa P nên chính quyền địa P đã phối hợp niêm yết các văn bản tố tụng để giải quyết vụ án theo quy định.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên do chị H không đến tham gia phiên hòa giải nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

- *Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa*:

Sau khi nêu tóm tắt nội dung vụ án và phân tích các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơn vụ án:

+ ***Về tố tụng***: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ ***Về nội dung vụ án***: Đề nghị HĐXX: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Bùi Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị H. Về con chung: Giao 02 con chung cho anh Bùi Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với chị Nguyễn Thị H; chị Nguyễn Thị H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn không ai được ngăn cản. Về tài sản chung, nợ chung, công sức chung: Đề nghị Tòa án không xem xét. Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Bùi Văn T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội giải quyết ly hôn. Xét thấy, chị Nguyễn Thị H là bị đơn có nơi cư trú tại xã Đ, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội. Như vậy, theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.

Trong quá trình giải quyết tại Tòa án, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ, hòa giải, ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử và tống đạt, niêm yết hợp lệ cho nguyên đơn, bị đơn. Ngày 14/04/2023, Tòa án đã mở phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Tòa án căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quyết định hoãn phiên tòa, ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 17/5/2023. Tòa án đã tống đạt, niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa cho nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định tại Điều 172; 177 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227; 228 BLTTDS xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo qui định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn và thủ tục về đăng ký kết

hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, do đó quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị H là hợp pháp được pháp luật công nhận.

Trong thời gian chung sống vợ chồng giữa anh T và chị H có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã. Từ tháng 8/2022 đến nay anh chị đã sống ly thân, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không đi lại thăm hỏi nhau, mỗi người phải tự lo cho cuộc sống của riêng mình. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn, chị H không trình bày quan điểm về yêu cầu giải quyết ly hôn của anh Bùi Văn T, không đến Tòa án hòa giải. Kết quả xác minh tại chính quyền địa P thể hiện anh chị có mâu thuẫn, chính quyền địa P đã nhiều lần can thiệp hòa giải nhưng không thành. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên HĐXX chấp nhận để anh T được ly hôn với chị H là phù hợp với thực tế và quy định tại các Điều 51; 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có có 02 con là cháu Bùi Thị Thu N, sinh ngày 25/10/2011 và cháu Bùi Khánh P, sinh ngày 08/5/2017. Hiện hai cháu đang ở với bố. Anh T có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H không trình bày quan điểm về con chung tại Tòa án và tại phiên tòa chị H vẫn vắng mặt không có lý do.

Xét thấy nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của anh T là chính đáng, mặt khác cháu N trình bày nguyện vọng được ở với bố nên việc giao cả hai con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế, đảm bảo sự phát triển toàn diện, bình thường về thể chất, trí tuệ, tâm lý của các cháu và quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Việc T tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX chấp nhận và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Nguyễn Thị H đến khi anh T, chị H có yêu cầu mới.

Sau khi ly hôn chị H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

[4] Về tài sản chung, công sức chung, công nợ chung: Do anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thị H không trình bày nên HĐXX không xem xét trong vụ án này.

[5] Về án phí: Anh Bùi Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 60; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng các Điều 147; 227; 228; 271 và

Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Bùi Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

2. *Về con chung*: Giao 02 con chung là cháu Bùi Thị Thu N, sinh ngày 25/10/2011; và cháu Bùi Khánh P, sinh ngày 08/5/2017 cho anh Bùi Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vu cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Nguyễn Thị H cho đến khi anh T, chị H có yêu cầu mới.

Chị Nguyễn Thị H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

3. *Về tài sản chung, khoản nợ chung, công sức chung*: Không xem xét.

4. *Về án phí*: Anh Bùi Văn T phải chịu 300.000(*Ba trăm nghìn*) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, đối trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà anh T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sơn Tây ngày 18/10/2023 theo Biên lai số AA/2020/0056523, anh T không phải nộp tiền án phí nữa.

5. *Quyền kháng cáo*: Anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc được niêm yết, tống đạt hợp lệ. Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Sơn Tây được quyền kháng nghị trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Bùi Văn Hợi